

Bản án số: 619/2019/DS-ST
Ngày: 29-11-2019
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Mỹ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đào Ngọc Bích.
2. Ông Vũ Ngọc Tiến.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Anh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, địa chỉ số 27 đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 348/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 292/2019/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 319/2019/QĐST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Đường N, Phường S, Quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Minh D (Theo Giấy ủy quyền ngày 30/8/2019 lập tại Văn phòng công chứng H).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy Ho, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Đường Lê, Phường M, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 12/8/2019 gửi đến Tòa và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - ông Nguyễn Mạnh H trình bày:

Nguyên vào năm 2018, do quen biết với bà Ho, nên ông có cho bà Ho vay số tiền 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng), lãi suất 1%/tháng, trả lãi hàng tháng

vào ngày 11 dương lịch, thời hạn trả tiền vay vào ngày 11/4/2019 (Đính kèm giấy tay vay tiền lập ngày 11/10/2018).

Tuy nhiên, cho đến nay đã hết thời hạn cho vay, ông đã nhiều lần liên hệ với bà Ho, bà Ho vẫn không trả lại số tiền vay và lãi vay cho ông. Ông xác định chỉ yêu cầu bà Ho thanh toán gốc và lãi cho ông, không yêu cầu chồng bà Ho thanh toán vì ông cũng không biết chồng của bà Ho là ai. Ông yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 10 giải quyết buộc bà Ho phải trả cho ông:

Nợ gốc: 230.000.000 đồng.

Nợ lãi tính từ ngày 11/11/2018 đến ngày 29/11/2019 (13 tháng 18 ngày) với lãi suất 1%/tháng 31.280.000 đồng. Ngoài ra, ông yêu cầu bà Ho còn phải thanh toán cho công tiền lãi cho đến ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Tổng cộng là: 261.280.000 đồng.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị Thúy Ho trình bày bản khai ngày 30/9/2019: Ngày 05/9/2018 ông H đưa cho bà vay 30.000.000 đồng. Ngày 11/10/2018 ông H tiếp tục cho bà vay thêm 200.000.000 đồng với lãi suất 7%/tháng. Từ tháng 11/2018 bà đưa cho ông H mỗi tháng 12.000.000 đồng cho đến tháng 5/2019 bà ngưng do công việc làm ăn không thuận lợi. Có lúc bà chuyển khoản cho ông H, có lúc bà đưa tiền mặt, ông H không có ký nhận. Về số tiền chuyển khoản bà sẽ cung cấp cho Tòa án sau. Tổng cộng bà đưa cho ông H 84.000.000 đồng tiền lãi. Khoản vay này là nợ riêng của bà, không liên quan đến chồng bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn – bà Nguyễn Thị Thúy Ho hiện có cư trú tại địa chỉ Đường L, Phường M, Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn, ông H yêu cầu bà Ho thanh toán cho ông số tiền bà Ho đã vay của ông theo Giấy vay tiền lập ngày 11/10/2018 là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng:

[3.1] Về xác định người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông H chỉ yêu cầu bà Ho thanh toán tiền gốc và lãi cho ông đồng thời bà Ho cũng xác định đây là nợ riêng của bà nên căn cứ vào Khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không đưa chồng của bà Ho – ông Mai Chí C vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3.2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Phạm Minh D có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3.3] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn – bà Ho đến Tòa án tham gia tố tụng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nhưng bà Ho không tham gia và không có trình bày ý kiến đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi hoãn phiên tòa lần thứ nhất, và tổng đạt hợp lệ lần thứ hai, bà Ho vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về nội dung: Theo lời khai của ông H và bà Ho, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định giữa ông, bà có thỏa thuận hợp đồng vay tiền có kỳ hạn và có lãi vào ngày 11/10/2018. Về yêu cầu thanh toán tiền gốc, ông H và bà Ho đều thừa nhận số tiền hai bên thỏa thuận cho vay là 230.000.000 đồng và bà Ho chưa thanh toán số tiền gốc cho ông H, do đó Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận số tiền ông H yêu cầu bà Ho thanh toán cho ông là 230.000.000 đồng. Về tiền lãi, bà Ho có lời khai bà phải trả lãi suất cho ông H 7%/tháng từ tháng 11/2018 đến tháng 5/2019 với số tiền 12.000.000 đồng/tháng, tổng cộng 84.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà trình bày không đúng sự thật vì 7%/tháng trên số tiền gốc 230.000.000 đồng tương đương với số tiền là 16.100.000 đồng, bà không nộp chứng cứ chứng minh cho lời khai của bà. Ngoài ra, sau khi bà Ho trình bày nội dung trên, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà để làm rõ nội dung lời khai của bà nhưng bà vắng mặt không có lý do, không nộp bổ sung chứng cứ hoặc đề nghị Tòa án thu thập để bảo vệ quyền và lợi ích của bà. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ. Căn cứ trên cơ sở Giấy vay tiền ngày 11/10/2018 do ông H nộp, căn cứ Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng, tương đương 12%/ năm của ông trên số tiền gốc 230.000.000 đồng. Tính từ ngày 11/11/2018 đến ngày 29/11/2019 là 13 tháng 18 ngày với số tiền như sau: $[(230.000.000 \text{ đồng} \times 1\% \times 13 \text{ tháng}) + (230.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng}) \times 30 \text{ ngày} \times 18 \text{ ngày}] = 31.280.000 \text{ đồng}$. Ngoài ra, từ ngày 30/11/2019 bà Ho vẫn phải tiếp tục thanh toán lãi suất 1%/tháng trên số tiền cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ho chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án là $5\% \times 261.280.000 \text{ đồng} \times 5\% = 13.064.000 \text{ đồng}$, do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 68; Khoản 4 Điều 91; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463; Điều 466; Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Ho có nghĩa vụ thanh toán cho ông H số tiền gốc 230.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 29/11/2019 là 31.280.000 đồng. Tổng cộng: 261.280.000 (Hai trăm sáu mươi một triệu, hai trăm tám mươi ngàn) đồng. Ngoài ra, từ ngày 30/11/2019 bà Ho tiếp tục chịu lãi suất 1%/ tháng trên số tiền gốc còn nợ cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thanh toán một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 13.064.000 (Mười ba triệu, không trăm sáu mươi bốn ngàn) đồng, bà Ho phải nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Mạnh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.325.000 (Sáu triệu, ba trăm hai mươi lăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 017790 ngày 28/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

Trần Mỹ Phương